

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN quý I, phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2024, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 7171/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	229.670 triệu đồng
- Thu cân đối:	229.670 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương:	511.974 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	113.222 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	387.145 triệu đồng
- Chi tạo nguồn CCTL:	2.930 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	8.677 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Thu tính vào chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện đến ngày 31/3/2024 là 69.426/229.670 triệu đồng, đạt 30,23% so với dự toán, giảm 8,77% so với cùng kỳ năm 2023.

a. Phân theo khoản thu, sắc thuế:

- **Có 6/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2024 (25%):** Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 105,91% (3.283/3.100 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 60,37% (78/130 triệu đồng); Thu khác ngân sách đạt 41,25% (4.125/10.000 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp đạt 33,67% (42.407/125.940 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 34.327/114.725 triệu đồng, đạt 29,92% so với dự toán); Thu từ quỹ đất, hoa lợi tại xã đạt 33,13% (66/200 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất đạt 25,02% (8.005/32.000 triệu đồng).

Có 3/9 khoản thu không đạt tiến độ dự toán năm 2024 (dưới 25%): Thu lệ phí trước bạ đạt 18,62% (3.632/19.500 triệu đồng); Thuế thu nhập cá nhân đạt 20,28% (7.705/38.000 triệu đồng); Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 9,92% (79/800 triệu đồng).

(Biểu số 01 kèm theo)

b. Thu ngân sách phân theo đơn vị:

- Khối huyện:

+ **Có 02/04 đơn vị ước thu đạt tiến độ dự toán năm 2024:** Công an huyện thu đạt 31,33% (940/3.000 triệu đồng); Chi cục Thuế thu đạt 32,79% (56.142/171.230 triệu đồng).

+ **Có 02/04 đơn vị ước thu không đạt tiến độ dự toán năm 2024:** Phòng Tài nguyên – Môi trường thu đạt 24,65% (8.085/32.800 triệu đồng); Phòng Tài chính – Kế hoạch ước thu đạt 0% (0/2.500 triệu đồng).

- Khối xã:

+ **Có 01/10 xã, thị trấn thu vượt tiến độ dự toán năm 2024 (trên 25%):** xã Hòa Hiệp thu đạt 27,87% (435/1.563 triệu đồng).

+ **Có 09/10 xã, thị trấn thu không đạt tiến độ dự toán năm 2024 (dưới 25%):** Thị trấn thu đạt 24,83% (984/3.963 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 22,95% (334/1.455 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 22,80% (216/950 triệu đồng); xã Mỹ Công thu đạt 21,62% (413/1.910 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 21,42% (550/2.567 triệu đồng); xã Thạnh Tây thu đạt 20,80% (411/1.975 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 19,37% (476/2.457 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 15,00% (326/2.173 triệu đồng); xã Thạnh Bắc thu đạt 10,00% (113/1.127 triệu đồng).

(Biểu số 02 kèm theo)

2. Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: là 156.456 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối trong kế hoạch 2023:	66.025 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu trong kế hoạch 2023:	78.114 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch:	12.317 triệu đồng.
. <i>Bổ sung chi thường xuyên</i>	<i>1.797 triệu đồng.</i>
. <i>Bổ sung chi đầu tư XD CB</i>	<i>10.520 triệu đồng.</i>

(Biểu số 03 kèm theo)

3. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp thực hiện quý I năm 2024: (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- **Thu cân đối ngân sách cấp huyện:** thực hiện đến ngày 31/3/2024 là 78.590/275.118 triệu đồng, đạt 28,57% dự toán, trong đó:

+ Thu từ DN, HTX do tỉnh quản lý thu điều tiết cho huyện đạt: 23.035/95.128 triệu đồng, đạt 24,21% dự toán.

+ Thu được hưởng theo phân cấp: 55.555/179.990 triệu đồng, đạt 30,87% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ **Có 03/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2024 (25%):**
xã Tân Bình thu đạt 36,56% (639/1.748 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 29,52% (1.718/5.820 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 26,65% (1.611/6.045 triệu đồng).

+ **Có 06/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2024 (25%):**
xã Thanh Bình thu đạt 24,07% (1.301/5.407 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 23,32% (454/1.947 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 23,07% (1.106/4.792 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 22,72% (3.058/13.460 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 21,76% (570/2.617 triệu đồng); xã Thanh Tây thu đạt 20,46% (612/2.990 triệu đồng); xã Thanh Bắc thu đạt 12,04% (223/1.854 triệu đồng).

(Biểu số 04 kèm theo)

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 31/3/2024 là 185.153/560.766 triệu đồng, đạt 33,02% dự toán, tăng 4,62% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

Tổng chi cân đối ngân sách thực hiện quý I năm 2024 là 175.156/511.974 triệu đồng, đạt 34,21% dự toán, tăng 4,02% so với cùng kỳ, bao gồm:

1.1 Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện quý I năm 2024 là: 157.137/409.320 triệu đồng, đạt 38,39% dự toán, tăng 2,55% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 94.088/112.222 triệu đồng, đạt 83,84% dự toán, giảm 6,86% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là: 63.049/290.215 triệu đồng, đạt 21,72% dự toán, tăng 20,75% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách cấp xã – thị trấn:

Thực hiện chi ngân sách cấp xã, thị trấn quý I năm 2024 là: 18.019/102.654 triệu đồng, đạt 17,55% dự toán, tăng 18,87% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 0/1.000 triệu đồng, đạt 0% dự toán.

- Chi thường xuyên là: 18.019/96.930 triệu đồng, đạt 18,59% dự toán, tăng 20,19% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Thực hiện chi bổ sung ngân sách xã quý I năm 2024 là 9.997/48.792 triệu đồng, đạt 20,49% so với dự toán, tăng 16,46% so với cùng kỳ.

(Biểu số 05 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

*** Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

- Tình hình công tác thuế trên địa bàn những tháng đầu năm 2024 tương đối khả quan, thu NSNN thực hiện quý I hoàn thành và vượt tiến độ dự toán giao (đạt 30,23% dự toán).

+ Có 01/09 khoản thu quý I hoàn thành dự toán năm 2024 (Thu phí, lệ phí, phí môn bài), do trong tháng phát sinh khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Hải Đăng (906 triệu đồng).

+ Có 5/9 khoản thu vượt tiến độ dự toán, trong đó có 2 khoản chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn thu (Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 54,83%, Thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng 13,93%).

+ Có 02/04 đơn vị huyện (Chi cục thuế, Công an huyện), 01/10 xã, thị trấn (Hòa Hiệp) thực hiện đạt tiến độ dự toán bình quân. Phòng Tài chính – Kế hoạch trong 3 tháng đầu năm tuy chưa phát sinh số thu vào ngân sách nhà nước, nhưng nguồn thu từ bán hàng hóa tịch thu và thanh lý tài sản công hiện tồn trên tài khoản tạm thu tạm giữ được mở tại Kho bạc nhà nước là 1.804 triệu đồng, sau khi thẩm định trích chi phí hợp lý cho các đơn vị liên quan, Phòng sẽ nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Bên cạnh những thuận lợi, kết quả đã đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác thuế như sau:

+ Còn 3/9 khoản thu không đạt dự toán bình quân (Thuế thu nhập cá nhân, Lệ phí trước bạ, Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước).

+ Còn 09/10 xã ước thu không đạt tiến độ dự toán, trong đó 02 xã có tiến độ thu tương đối thấp so với dự toán: xã Tân Phong (15,00%), Thạnh Bắc (10,00%).

Nguyên nhân chủ yếu do tình hình mua bán, chuyển nhượng bất động sản trong nhân dân những tháng đầu năm thấp ảnh hưởng đến nguồn thu lệ phí trước bạ nhà đất, nguồn thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển quyền sử dụng đất.

*** Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp**

Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp cũng đạt được kết quả tương đối tốt, ngân sách huyện và 03/10 xã, thị trấn đều thu vượt tiến độ dự toán. Riêng xã Thạnh Bắc có số thu giảm sâu so với dự toán (đạt 12,04%), nguyên nhân chủ yếu từ thu phí trước bạ nhà đất.

*** Tình hình quản lý nợ thuế trên địa bàn:**

- Tổng số nợ thuế năm 2023 chuyển sang là **43.075 triệu đồng** (thuế GTGT 23.620 triệu đồng, thuế TNDN 4.490 triệu đồng, các loại thuế khác 4.338

triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 10.627 triệu đồng). Trong đó: nợ có khả năng thu 43.017 triệu đồng; nợ khó thu 58 triệu đồng.

UBND huyện đã chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tân Biên – Tân Châu thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định. Căn cứ tiết 4.6, Khoản 4 Mục II Phần B trong Quy trình cưỡng chế tiền thuế nợ ban hành kèm theo Quyết định 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 của Tổng cục Thuế, cơ quan thuế tiếp tục cho doanh nghiệp sử dụng hóa đơn theo từng lần phát sinh với điều kiện doanh nghiệp phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng trước khi sử dụng hóa đơn để thanh toán tiền nợ thuế.

Tính đến thời điểm 31/3/2024 nợ thuế năm 2023 đã xử lý thu được 12.582 triệu đồng (thuế GTGT 12.176 triệu đồng, thuế TNDN 50 triệu đồng, các loại thuế khác 28 triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 328 triệu đồng).

- Tổng số nợ thuế tạm tính đến ngày 31/3/2024 là **32.991 triệu đồng** (thuế GTGT 13.319 triệu đồng, thuế TNDN 4.815 triệu đồng, các loại thuế khác 6.082 triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 8.775 triệu đồng). Trong đó: Nợ có khả năng thu 32.912 triệu đồng; nợ khó thu 79 triệu đồng (Bỏ địa chỉ kinh doanh 62 triệu đồng, chờ giải thể 17 triệu đồng).

- So với nợ tại thời điểm ngày 31/12/2023 giảm: 10.084 triệu đồng, tỷ lệ giảm 23,41%. Trong đó: Nợ có khả năng thu giảm 10.105 triệu đồng, tỷ lệ giảm 23,49%; Nợ khó thu tăng 21 triệu đồng, tỷ lệ tăng 36,21%.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

Căn cứ vào thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN quý I, trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương, UBND huyện Tân Biên lập kế hoạch thu chi NSNN quý II năm 2024, cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách: Dự kiến thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu quý II năm 2024 là 56.000 triệu đồng, lũy kế thu NSNN 06 tháng đầu năm 2024 là 125.426 triệu đồng, đạt 54,61% so với dự toán và giảm 3,39% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Về chi ngân sách: Dự kiến chi ngân sách địa phương quý II năm 2024 là 140.191 triệu đồng, lũy kế chi NSNN 06 tháng đầu năm 2024 là 325.345 triệu đồng, đạt 58,02% so với dự toán, giảm 5,44% so với cùng kỳ năm 2023.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về thu ngân sách:

- Thường xuyên theo dõi sát diễn biến tình hình thu, nắm bắt kịp thời các yếu tố tác động gây tăng, giảm nguồn thu. Tập trung nghiên cứu, phân tích làm rõ nguyên nhân, chỉ đạo các đơn vị huyện có liên quan, UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý, khai thác nguồn thu, chống thất thu thuế trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết của Chính phủ về gia hạn, miễn giảm thuế và các văn bản triển khai nhiệm vụ, giải pháp công tác thuế năm 2024 của Bộ Tài chính, Tổng cục thuế.

- Tiếp tục vận động, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành nộp đủ vào NSNN các khoản tiền sử dụng đất đã được ghi nợ từ năm 2019 trở về trước.

- Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tân Biên – Tân Châu phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Tân Biên đối chiếu các thông tin hồ sơ địa chính của người nộp thuế; thực hiện nhanh việc ra thông báo nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất cho người dân để sớm thực hiện nghĩa vụ tài chính ngay sau khi nhận được hồ sơ do Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển sang.

- Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tân Biên – Tân Châu phối hợp với UBND các xã, thị trấn và Bru điện huyện tập trung quản lý, kịp thời có giải pháp chấn chỉnh tồn tại, khắc phục khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả và chất lượng công tác ủy nhiệm thu thuế trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; tập trung rà soát, đối chiếu, phân tích, đánh giá rõ thực chất từng khoản nợ thuế các kỳ trước chuyển sang, kịp thời điều chỉnh số liệu chưa khớp đúng với thực tế, có biện pháp đôn đốc, xử lý thu các khoản nợ có khả năng thu, từng bước kéo giảm nhóm nợ có khả năng thu xuống đến mức thấp nhất.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt đảm bảo đúng thời hạn, tiến độ, trọng tâm kiểm tra các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp có rủi ro về thuế có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số...

- Tăng cường rà soát, kiểm tra hóa đơn điện tử để ngăn chặn gian lận trong việc sử dụng hóa đơn nhằm chống thất thu cho ngân sách.

- Tuyên truyền, triển khai rà soát, chuẩn hóa thông tin người nộp thuế cá nhân tại cơ sở dữ liệu ngành thuế thực hiện theo Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số

06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng kế hoạch tại Quyết định số 107/QĐ-BTC ngày 28/01/2022.

- Tăng cường công tác quản lý kê khai; thực hiện tốt công tác kiểm tra chống thất thu thuế, trốn lậu thuế; nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu nợ thuế.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản.

- Đẩy mạnh hiện đại hoá công tác quản lý thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính và dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, đảm bảo các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cá nhân thực sự đi vào cuộc sống; tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ và thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiết kiệm chống lãng phí.

2. Về chi ngân sách

Các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện và giải ngân kinh phí được giao kịp thời theo quy định; cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.


Các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với khối lượng đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

Chỉ đạo các cơ quan đơn vị liên quan phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch vốn được giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bố trí kinh phí mua sắm chặt chẽ, đúng quy định; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Khẩn trương rà soát nhu cầu, phân bổ, giải ngân nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu, nhất là kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG, đảm bảo giải ngân đạt kế hoạch vốn.

Ngoài việc thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên theo quy định, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2024 của UBND huyện Tân Biên.

- Nơi nhận: 
- TT.HU;
 - TT.HĐND huyện;
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - LĐVP, NCTH;
 - Lưu: VT, PTCKH.

 **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH


Đoàn Thị Minh Thanh



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2024
THEO TỪNG SẮC THUẾ**

STT	Danh mục thu	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh%	
				Chỉ tiêu	Cùng kỳ
	TỔNG THU NSNN THEO CHỈ TIÊU	229.670.000.000	69.425.749.096	30,23	91,23
1	Thuế công thương nghiệp ngoài QĐ	125.940.000.000	42.407.204.606	33,67	141,05
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>114.725.000.000</i>	<i>34.326.938.435</i>	<i>29,92</i>	<i>130,76</i>
+	<i>Trực tiếp</i>	<i>5.300.000.000</i>	<i>1.301.591.405</i>	<i>24,56</i>	<i>94,58</i>
+	<i>Khấu trừ</i>	<i>109.425.000.000</i>	<i>33.025.347.030</i>	<i>30,18</i>	<i>132,76</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>3.399.649.580</i>	<i>37,77</i>	<i>111,35</i>
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>190.000.000</i>	<i>44.501.539</i>	<i>23,42</i>	<i>117,37</i>
+	<i>Hộ gia đình và cá nhân kinh doanh</i>	<i>190.000.000</i>	<i>44.501.539</i>	<i>23,42</i>	<i>117,37</i>
+	<i>Doanh nghiệp và tổ chức khác</i>		-		
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>2.025.000.000</i>	<i>4.636.115.052</i>	<i>228,94</i>	<i>642,35</i>
+	<i>Hộ gia đình và cá nhân kinh doanh</i>		<i>32.162.637</i>		<i>380,25</i>
+	<i>Doanh nghiệp và tổ chức khác</i>	<i>2.025.000.000</i>	<i>4.603.952.415</i>	<i>227,36</i>	<i>645,46</i>
2	Thuế thu nhập cá nhân	38.000.000.000	7.704.953.959	20,28	60,61
-	<i>Thuế TNCN từ lương, hoạt động SXKD</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>1.048.544.447</i>	<i>29,96</i>	<i>105,30</i>
-	<i>Thuế TNCN từ chuyển quyền sử dụng đất</i>	<i>34.500.000.000</i>	<i>6.656.409.512</i>	<i>19,29</i>	<i>56,82</i>
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		44.535.141		12,69
4	Thu tiền sử dụng đất	32.000.000.000	8.005.425.300	25,02	51,17
5	Thuế nhà đất (Đất phi nông nghiệp)	130.000.000	78.482.822	60,37	387,03
6	Thu lệ phí trước bạ	19.500.000.000	3.631.721.592	18,62	78,26
	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>975.795.850</i>	<i>8,87</i>	<i>35,00</i>
	<i>Lệ phí trước bạ xe</i>	<i>8.500.000.000</i>	<i>2.655.925.742</i>	<i>31,25</i>	<i>143,40</i>
7	Phí và lệ phí, phí môn bài	3.100.000.000	3.283.177.088	105,91	190,76
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	<i>1.580.000.000</i>	<i>2.483.938.580</i>	<i>157,21</i>	<i>257,54</i>
-	<i>Phí và lệ phí xã phường</i>	<i>1.520.000.000</i>	<i>799.238.508</i>	<i>52,58</i>	<i>105,63</i>
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	800.000.000	79.356.892	9,92	35,28
9	Thu khác ngân sách	10.000.000.000	4.124.641.696	41,25	38,67
-	<i>Thu phạt ATGT</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>987.825.500</i>	<i>32,93</i>	<i>125,45</i>
-	<i>Khác</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>3.136.816.196</i>	<i>44,81</i>	<i>31,75</i>
10	Thu khác tại xã	200.000.000	66.250.000	33,13	119,05

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024
THEO TỪNG ĐƠN VỊ***ĐVT: ngàn đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Lũy kế ước thực quý I năm 2024	So sánh (TH/DT)
	Tổng cộng	229.670.000.000	69.425.749.096	30,23
I	Khối huyện	209.530.000.000	65.167.342.524	31,10
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.500.000.000		-
2	Phòng Tài nguyên - Môi trường	32.800.000.000	8.084.782.192	24,65
3	Công an huyện	3.000.000.000	939.750.000	31,33
4	Chi cục Thuế	171.230.000.000	56.142.810.332	32,79
II	Khối xã	20.140.000.000	4.258.406.572	21,14
1	Trà Vong	1.455.000.000	333.950.482	22,95
2	Mỏ Công	1.910.000.000	413.003.630	21,62
3	Tân Phong	2.173.000.000	325.953.423	15,00
4	Hòa Hiệp	1.563.000.000	435.560.889	27,87
5	Thị trấn	3.963.000.000	984.161.272	24,83
6	Thạnh Tây	1.975.000.000	410.886.898	20,80
7	Tân Bình	950.000.000	216.574.390	22,80
8	Tân Lập	2.567.000.000	549.833.076	21,42
9	Thạnh Bình	2.457.000.000	475.822.805	19,37
10	Thạnh Bắc	1.127.000.000	112.659.707	10,00

**BÁO CÁO KẾT QUẢ RÚT DỰ TOÁN SỐ BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐẾN NGÀY 31/3/2024**

Đơn vị tính: đồng. Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm (hoặc bổ sung trong năm)	Số rút dự toán tại kho bạc	Số nộp giảm chi hoàn trả ngân sách	Dự toán còn lại	Quyết toán số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=1-(2-3)	5=1-4	
	TỔNG SỐ	156.456.430.000	48.040.430.000	-	108.416.000.000	48.040.430.000	
A	BỔ SUNG CÂN ĐỐI	66.025.000.000	16.506.000.000	-	49.519.000.000	16.506.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
B	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	90.431.430.000	31.534.430.000	-	58.897.000.000	31.534.430.000	
B1	Bổ sung có mục tiêu dự toán giao đầu năm	78.114.000.000	19.217.000.000	-	58.897.000.000	19.217.000.000	
I	Nguồn NSTW	37.824.000.000	9.143.000.000	-	28.681.000.000	9.143.000.000	
1	Chi Chương trình MTQG	20.938.000.000	7.919.000.000	-	13.019.000.000	7.919.000.000	
1.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	13.201.000.000	3.303.000.000	-	9.898.000.000	3.303.000.000	
	Vốn ĐTPT	11.755.000.000	2.940.000.000		8.815.000.000	2.940.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Vốn sự nghiệp	1.446.000.000	363.000.000		1.083.000.000	363.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.140.000.000	786.000.000	-	2.354.000.000	786.000.000	
	Vốn ĐTPT		-		-	-	
	Vốn sự nghiệp	3.140.000.000	786.000.000		2.354.000.000	786.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
1.3	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi	4.597.000.000	3.830.000.000	-	767.000.000	3.830.000.000	
	Vốn ĐTPT	4.347.000.000	3.767.000.000		580.000.000	3.767.000.000	Theo Công văn số 488/STC-QLNS ngày 02/02/2024
	Vốn sự nghiệp	250.000.000	63.000.000		187.000.000	63.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
2	Chi CTMT, nhiệm vụ	16.886.000.000	1.224.000.000	-	15.662.000.000	1.224.000.000	
2.1	Vốn ĐTPT	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	-	
	Bờ kè chống sạt lở suối Cẩn Đẳng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	12.000.000.000			12.000.000.000	-	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
2.2	Vốn thường xuyên	4.886.000.000	1.224.000.000	-	3.662.000.000	1.224.000.000	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho Ban ATGT cấp huyện, cấp xã	690.000.000	174.000.000		516.000.000	174.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Kinh phí thực hiện công tác bảo trì đường bộ đối với những tuyến đường huyện, đường đô thị	4.196.000.000	1.050.000.000		3.146.000.000	1.050.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
II	Nguồn ngân sách tỉnh	40.290.000.000	10.074.000.000	-	30.216.000.000	10.074.000.000	
1	Chi Chương trình MTQG	15.327.000.000	3.831.000.000	-	11.496.000.000	3.831.000.000	
1.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	15.000.000.000	3.750.000.000	-	11.250.000.000	3.750.000.000	
	Vốn ĐTPT	15.000.000.000	3.750.000.000		11.250.000.000	3.750.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Vốn sự nghiệp		-		-	-	
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	314.000.000	78.000.000	-	236.000.000	78.000.000	
	Vốn ĐTPT		-		-	-	
	Vốn sự nghiệp	314.000.000	78.000.000		236.000.000	78.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
1.3	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi	13.000.000	3.000.000	-	10.000.000	3.000.000	
	Vốn ĐTPT		-		-	-	
	Vốn sự nghiệp	13.000.000	3.000.000		10.000.000	3.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
2	Chi CTMT, nhiệm vụ	24.963.000.000	6.243.000.000	-	18.720.000.000	6.243.000.000	
2.1	Vốn ĐTPT	20.000.000.000	5.001.000.000	-	14.999.000.000	5.001.000.000	
	Phát triển thành phố, thị xã (Chính trang đô thị)	20.000.000.000	5.001.000.000		14.999.000.000	5.001.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
2.2	Vốn thường xuyên	4.963.000.000	1.242.000.000	-	3.721.000.000	1.242.000.000	
	Kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình kết cấu hạ tầng, chính trang đô thị	1.500.000.000	375.000.000		1.125.000.000	375.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Kinh phí Chế độ phụ cấp lực lượng Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	777.000.000	195.000.000		582.000.000	195.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Chế độ phụ cấp đối với ấp, khu đội trưởng và dân quân theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	436.000.000	108.000.000		328.000.000	108.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Kinh phí chính lý tài liệu tồn đọng từ năm 1975 -2016	584.000.000	147.000.000		437.000.000	147.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm (hoặc bổ sung trong năm)	Số rút dự toán tại kho bạc	Số nộp giảm chi hoàn trả ngân sách	Dự toán còn lại	Quyết toán số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
	Kinh phí sự nghiệp kinh tế - chính sách nông nghiệp, thủy lợi	367.000.000	93.000.000		274.000.000	93.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
	Kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.299.000.000	324.000.000		975.000.000	324.000.000	Theo Công văn số 145/STC-QLNS ngày 12/01/2024
B2	Bổ sung có mục tiêu dự toán bổ sung trong năm	12.317.430.000	12.317.430.000	-	-	12.317.430.000	
I	Nguồn NSTW	-	-	-	-	-	
1	Chi Chương trình MTQG	-	-	-	-	-	
1.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	-	-	-	-	
	Vốn ĐTPT			-	-	-	
	Vốn sự nghiệp			-	-	-	
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	-	
	Vốn ĐTPT			-	-	-	
	Vốn sự nghiệp			-	-	-	
1.3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	-	-	-	-	-	
	Vốn ĐTPT			-	-	-	
	Vốn sự nghiệp			-	-	-	
2	Chi CTMT, nhiệm vụ	-	-	-	-	-	
2.1	Vốn ĐTPT	-	-	-	-	-	
2.2	Vốn thường xuyên	-	-	-	-	-	
II	Nguồn ngân sách tỉnh	12.317.430.000	12.317.430.000	-	-	12.317.430.000	
1	Vốn ĐTPT	10.520.000.000	10.520.000.000	-	-	10.520.000.000	
1.1	Nguồn Xổ số kiến thiết (MDP 205)	10.520.000.000	10.520.000.000	-	-	10.520.000.000	
*	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	-	-	-	-	-	
*	Công trình khác	10.520.000.000	10.520.000.000	-	-	10.520.000.000	
1.2	Nguồn ngân sách tỉnh tập trung (MDP 200)	-	-	-	-	-	
2	Vốn thường xuyên	1.797.430.000	1.797.430.000	-	-	1.797.430.000	
2.1	Nguồn cân đối ngân sách tỉnh (MDP 200)	1.797.430.000	1.797.430.000	-	-	1.797.430.000	
	KP thực hiện KH phục vụ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn	886.000.000	886.000.000		-	886.000.000	Theo Công văn số 382/STC-QLNS ngày 25/01/2024
	KP hỗ trợ hộ không có khả năng thoát nghèo năm 2024	253.080.000	253.080.000		-	253.080.000	Theo Công văn số 563/STC-QLNS ngày 19/02/2024
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	658.350.000	658.350.000		-	658.350.000	Theo Công văn số 743/STC-QLNS ngày 04/3/2024
1.2	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh (MDP 201)	-	-	-	-	-	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

Stt	TÊN XÃ	DỰ TOÁN THU 2024			THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2024			SO SÁNH TH/DT
		Thu được hưởng theo phân cấp	Các khoản tính (huyện) thu điều tiết cho huyện (xã)	TỔNG THU	Thu được hưởng theo phân cấp	Các khoản tính (huyện) thu điều tiết cho huyện (xã)	TỔNG THU	
I	Cấp huyện	179.990.000.000	95.128.000.000	275.118.000.000	55.555.584.268	23.034.876.699	78.590.460.967	28,57%
II	Cấp xã	20.140.000.000	26.540.000.000	46.680.000.000	4.258.406.572	7.033.701.266	11.292.107.838	24,19%
1	Trà Vinh	1.455.000.000	492.000.000	1.947.000.000	333.950.482	120.135.943	454.086.425	23,32%
2	Mô Công	1.910.000.000	707.000.000	2.617.000.000	413.003.630	156.549.028	569.552.658	21,76%
3	Tân Phong	2.173.000.000	3.647.000.000	5.820.000.000	325.953.423	1.392.318.275	1.718.271.698	29,52%
4	Hòa Hiệp	1.563.000.000	11.897.000.000	13.460.000.000	435.560.889	2.622.641.680	3.058.202.569	22,72%
5	Thị trấn	3.963.000.000	2.082.000.000	6.045.000.000	984.161.272	626.900.431	1.611.061.703	26,65%
6	Thạnh Tây	1.975.000.000	1.015.000.000	2.990.000.000	410.886.898	200.827.248	611.714.146	20,46%
7	Tân Bình	950.000.000	798.000.000	1.748.000.000	216.574.390	422.502.067	639.076.457	36,56%
8	Tân Lập	2.567.000.000	2.225.000.000	4.792.000.000	549.833.076	555.911.454	1.105.744.530	23,07%
9	Thạnh Bình	2.457.000.000	2.950.000.000	5.407.000.000	475.822.805	825.433.723	1.301.256.528	24,07%
10	Thạnh Bắc	1.127.000.000	727.000.000	1.854.000.000	112.659.707	110.481.417	223.141.124	12,04%
	Tổng cộng	200.130.000.000	121.668.000.000	321.798.000.000	59.813.990.840	30.068.577.965	89.882.568.805	27,93%

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2024

STT	Danh mục chi	Dự toán năm 2024	Lũy kế ước thực quý I năm 2024	So sánh %	
				Chỉ tiêu	Cùng kỳ
	TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	560.766.000.000	185.153.284.005	33,02	104,62
A	Chi cân đối NSNN	511.974.000.000	175.156.035.005	34,21	104,02
I	Chi ngân sách huyện	409.320.000.000	157.136.986.943	38,39	102,55
1	Chi đầu tư phát triển	112.222.000.000	94.087.825.050	83,84	93,14
a	Từ nguồn năm 2023 chuyển sang	-	38.873.699.181		
	<i>Chi từ nguồn tinh bổ sung</i>		38.671.208.965		
	<i>Vốn XDCB tập trung</i>		202.490.216		
	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>		-		
b	Từ nguồn dự toán năm 2024	112.222.000.000	55.214.125.869	49,20	54,66
	<i>Vốn XDCB tập trung</i>	14.620.000.000	5.711.750.036	39,07	44,27
	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	32.000.000.000	23.923.650.000	74,76	113,85
	<i>Chi từ nguồn tinh bổ sung</i>	63.102.000.000	23.078.725.833	36,57	35,45
	<i>Chi ủy thác qua NHCSXH</i>	2.500.000.000	2.500.000.000	100,00	125,00
2	Chi thường xuyên	290.215.000.000	63.049.161.893	21,72	120,75
a	Chi sự nghiệp kinh tế	22.952.000.000	2.878.717.885	12,54	349,11
-	Sự nghiệp nông nghiệp	6.669.000.000	-	-	
-	Sự nghiệp lâm nghiệp	83.000.000	-	-	
-	Sự nghiệp giao thông	4.895.000.000	2.164.173.414	44,21	2.682,41
-	Chi kiến thiết thị chính	9.226.000.000	520.007.924	5,64	90,51
-	Sự nghiệp môi trường	380.000.000	-	-	-
-	Sự nghiệp kinh tế khác	1.699.000.000	194.536.547	11,45	119,07
b	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	188.602.000.000	42.631.398.214	22,60	123,35
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	187.712.000.000	42.434.785.600	22,61	122,96
-	<i>Sự nghiệp đào tạo</i>	890.000.000	196.612.614	22,09	404,43
c	Chi SN Khoa học - Công nghệ	130.000.000	-	-	
d	Chi SN Văn hóa	1.404.000.000	229.968.368	16,38	69,99
e	Chi SN Phát thanh truyền hình	1.134.000.000	118.575.357	10,46	286,15
f	Chi SN Thể dục thể thao	574.000.000	59.917.951	10,44	93,37
g	Chi SN Xã hội	25.062.000.000	7.117.670.900	28,40	99,00
h	Chi quản lý hành chính	40.484.000.000	7.132.517.252	17,62	115,31
-	<i>Quản lý nhà nước</i>	22.743.000.000	3.810.312.960	16,75	103,03
-	<i>Chi kinh phí Đảng</i>	12.926.000.000	2.191.095.660	16,95	130,68
-	<i>Các tổ chức đoàn thể</i>	4.171.000.000	942.123.028	22,59	139,32
-	<i>Các tổ chức xã hội</i>	644.000.000	188.985.604	29,35	140,94
i	Chi an ninh - quốc phòng	4.939.000.000	1.634.601.086	33,10	81,62
-	<i>An ninh</i>	1.270.000.000	141.728.000	11,16	85,37
-	<i>Quốc phòng</i>	3.669.000.000	1.492.873.086	40,69	81,28
j	Sự nghiệp y tế	3.014.000.000	625.077.000	20,74	128,34
k	Chi khác ngân sách	1.920.000.000	620.717.880	32,33	117,20
3	Chi dự phòng	6.883.000.000		-	
4	Chi tạo lập quỹ CCTL				
II	Chi ngân sách xã - thị trấn	102.654.000.000	18.019.048.062	17,55	118,87
1	Chi đầu tư XDCB	1.000.000.000	-	-	-
2	Chi thường xuyên	96.930.000.000	18.019.048.062	18,59	120,19
3	Chi dự phòng	1.794.000.000		-	
4	Chi tạo lập quỹ CCTL	2.930.000.000		-	
B	Chi bổ sung ngân sách xã	48.792.000.000	9.997.249.000	20,49	116,46
1	Bổ sung cân đối	38.648.000.000	9.253.833.000	23,94	114,84

STT	Danh mục chi	Dự toán năm 2024	Lũy kế ước thực quý I năm 2024	So sánh %	
				Chỉ tiêu	Cùng kỳ
2	Bổ sung có mục tiêu	7.219.000.000	743.416.000	10,30	141,23
3	Bổ sung thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn	2.925.000.000	-	-	
C	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên		-		